Chi tiết mã HS 9006.91.10

Mã HS	9006.91.10
Mô tả hàng hóa	Máy ảnh (trừ máy quay phim); thiết bị đèn chớp và đèn flash máy ảnh trừ đèn phóng điện thuộc nhóm 85.39 / - Bộ phận và phụ kiện: / - - Sử dụng cho máy ảnh: / - - - Sử dụng cho máy vẽ ảnh laser thuộc phân nhóm 9006.59.21
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	10/11/2026 18:47:03
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/90069110/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17977
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17977
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17977
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17280
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17209
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17209
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17209
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17209
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17209
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17209
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17265
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17265

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17265
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17265
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17265
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17265
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17266
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17266
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17266
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17266
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17266
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17266
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17271
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17227
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17223
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17223
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17223
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17223
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17223
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17223
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17269
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17269
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17269
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17269
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17269
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17269
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17331
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17331

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17331
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17331
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17331
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17331
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17307
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17307
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17307
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17307
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17307
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17307
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17302
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17302
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17302
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17302
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17302
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17302
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17332
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17332
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17332
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17332
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17332
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17332
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17331
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17331
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17331
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17331

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17331
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17331
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17425
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17425
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17425
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17425
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17425
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17425
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17425
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17294
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17294
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17294
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17294
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17294
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17294
RCEP B	2022	2022	0	B!D17294
RCEP B	2023	2023	0	B!E17294
RCEP B	2024	2024	0	B!F17294
RCEP B	2025	2025	0	B!G17294
RCEP B	2026	2026	0	B!H17294
RCEP B	2027	2027	0	B!I17294
RCEP C	2022	2022	0	C!D17292
RCEP C	2023	2023	0	C!E17292
RCEP C	2024	2024	0	C!F17292
RCEP C	2025	2025	0	C!G17292
RCEP C	2026	2026	0	C!H17292

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17292
RCEP D	2022	2022	0	D!D17291
RCEP D	2023	2023	0	D!E17291
RCEP D	2024	2024	0	D!F17291
RCEP D	2025	2025	0	D!G17291
RCEP D	2026	2026	0	D!H17291
RCEP D	2027	2027	0	D!I17291
RCEP E	2022	2022	0	E!D17295
RCEP E	2023	2023	0	E!E17295
RCEP E	2024	2024	0	E!F17295
RCEP E	2025	2025	0	E!G17295
RCEP E	2026	2026	0	E!H17295
RCEP E	2027	2027	0	E!I17295
RCEP F	2022	2022	0	F!D17294
RCEP F	2023	2023	0	F!E17294
RCEP F	2024	2024	0	F!F17294
RCEP F	2025	2025	0	F!G17294
RCEP F	2026	2026	0	F!H17294
RCEP F	2027	2027	0	F!I17294
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16219
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16219
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16219
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16219

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9006.91 có 4 dòng thuế; dòng 9006.91.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Sử dụng cho máy vẽ ảnh laser thuộc phân nhóm 9006.59.21.	9006.91.40 Loại khác, dùng cho máy ảnh của phân nhóm 9006.40 hoặc 9006.53; 9006.91.50 Loại khác, dùng cho máy ảnh của phân nhóm 9006.59.11 hoặc 9006.59.19; 9006.91.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9006.91.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9006.91.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17977), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.